

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 07-4-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đăng

2. Bà Đỗ Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 14/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị C**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 13, xã LT1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1991

HKTT: Thôn 1, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Nơi công tác: Lữ đoàn pháo binh 75, đường Đồng Khởi, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Chị C có mặt, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Mạc Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Thế H chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và được hai gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn tại xã LT1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 14/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng ít khi được sống gần nhau do anh H là sỹ quan công tác tại thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, còn chị C sống với bố mẹ chồng tại xã TL, huyện B. Đời sống chung của vợ chồng trong thời gian ngắn có hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Lý do

chị C trình bày mặc dù vợ chồng đã về chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc, anh H có chơi bài bạc dẫn đến không có tiền để lo cho cuộc sống vợ chồng, chị C đã có khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị C và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến phản hồi ngày 20/01/2022 và 26/02/2022 bị đơn anh Nguyễn Thế H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh có kết hôn với chị C là đúng. Sau thời gian chung sống, do tính chất công việc của bộ đội, ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên anh ít có điều kiện về nhà để quan tâm chăm sóc, chia sẻ động viên chị C. Đồng thời khi chung sống vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh H cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh H không trình bày về con chung, không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không trình bày gì về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/3/2022 nhưng không được, anh H có đơn xin vắng mặt, chị C có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C và anh H được ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Thế H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Thế H có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay anh H đang công tác tại Lữ đoàn pháo binh 75, đường Đồng Khởi, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Anh H có đơn đồng ý Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Mạc Thị C và anh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị C và anh Nguyễn Thế H có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, chung sống tự nguyện từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới, được hai gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 14/11/2019. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Do cả hai không hợp nhau về tình cảm, tính tình, công việc, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu giải quyết ly hôn và anh H cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị C và anh H đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị C và anh H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Chị C trình bày quá trình chung sống chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh H không trình bày gì về con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về tài sản chung: Chị C trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, anh H không trình bày gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị C trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh H không trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc Mạc Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị C đối với anh Nguyễn Thế H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị C và anh Nguyễn Thế H được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc chị Mạc Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004263 ngày 14/01//2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LT1, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

